

**BÁO CÁO**

**Tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính,  
cải cách thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2017  
trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**



Thực hiện Công văn số 10342 ngày 29/9/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện Nghị định số 92/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính, UBND tỉnh Sóc Trăng báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính (TTHC), cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2017 trên địa bàn tỉnh, như sau:

**I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**1. Đánh giá tác động, tham gia ý kiến, thẩm định quy định TTHC**

Trong thời gian qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc công tác cải cách TTHC, kiểm soát chặt chẽ việc quy định TTHC trong văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; năm 2017 trên địa bàn tỉnh chưa phát sinh văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh có quy định TTHC, nên chưa thực hiện việc đánh giá tác động, tham gia ý kiến và thẩm định quy định TTHC trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

**2. Công bố, công khai, nhập dữ liệu TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia**

**a) Công bố TTHC**

Thực hiện hướng dẫn của Bộ Tư pháp tại Thông tư số 05/2014/TT-BTP, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành thường xuyên cập nhật, thống kê TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của từng ngành (gồm 03 cấp: tỉnh, huyện, xã) trên cơ sở các Quyết định công bố TTHC được chuẩn hóa của các bộ, ngành và quy định có liên quan trong văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố theo quy định, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi có nhu cầu thực hiện TTHC.

Tính từ đầu năm đến nay, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 71 Quyết định công bố đối với 1.051 TTHC, trong đó: quy định mới 277 thủ tục, sửa đổi, bổ sung 278 thủ tục, bãi bỏ 496 thủ tục.

(Kèm theo Biểu số 04b/BTP/KSTT/KTTH).

Tổng số TTHC trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đã được công bố, công khai còn hiệu lực thi hành tính đến thời điểm hiện nay là 1.807 thủ tục, trong đó: thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành tỉnh 1.349 thủ tục; áp dụng tại cấp huyện 283 thủ tục và áp dụng tại cấp xã 175 thủ tục.

### **b) Công khai, nhập dữ liệu TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia**

Ngay sau khi Quyết định công bố được ban hành, các TTHC đều được cập nhật dữ liệu và thực hiện “địa phương hóa” trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính. Trong năm 2017, đã ban hành 33 văn bản đề nghị Cục Kiểm soát thủ tục hành chính công khai 555 TTHC, không công khai 496 TTHC.

Các Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh đều được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh tại địa chỉ [www.soctrang.gov.vn](http://www.soctrang.gov.vn). Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã đều bố trí bảng niêm yết, công khai TTHC, nội dung, địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính; đăng tải TTHC trên Trang tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương và các hình thức công khai khác.

### **3. Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính**

Nhằm kịp thời phát hiện và kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các quy định, TTHC chưa phù hợp, không cần thiết, không đáp ứng các nguyên tắc về quy định và thực hiện TTHC, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 23/01/2017 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2017 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; trên cơ sở đó, các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện đã xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai việc rà soát, đánh giá TTHC, nhóm TTHC, tính chi phí tuân thủ; Sở Tư pháp đánh giá chất lượng rà soát các TTHC, tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các sở, ngành có liên quan, tổng hợp, xây dựng phương án đơn giản hóa trình UBND tỉnh ban hành Báo cáo số 171/BC-UBND ngày 05/9/2017 về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ rà soát, đánh giá TTHC năm 2017 và 08 Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa TTHC đối với 23 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Tài chính, Xây dựng, Tư pháp, Công Thương, Thông tin và Truyền thông để báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đề nghị Bộ, ngành có liên quan xem xét, xử lý theo quy định.

*(Kèm theo Biểu số 05b/BTP/KSTT/KTTH).*

### **4. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC**

Trong năm 2017, toàn tỉnh đã tiếp nhận 877.583 hồ sơ TTHC, trong đó có 867.348 hồ sơ mới tiếp nhận; 10.235 hồ sơ từ kỳ báo cáo trước chuyển qua. Kết quả giải quyết TTHC có 874.273 hồ sơ đã giải quyết (trong đó: 873.750 hồ sơ giải quyết đúng hạn; 523 hồ sơ giải quyết quá hạn); 3.310 hồ sơ đang giải quyết (trong đó: 3.293 hồ sơ chưa đến hạn; 17 hồ sơ đã quá hạn).

*(Kèm theo Biểu số 07đ/BTP/KSTT/KTTH và 07g/BTP/KSTT/KTTH).*

## **5. Tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC**

Thực hiện Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính của Chính phủ, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện nghiêm túc việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Nhìn chung, các cơ quan, đơn vị đã thực hiện tốt việc niêm yết nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức và địa chỉ cơ quan (Sở Tư pháp) giúp Chủ tịch UBND tỉnh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức.

Thực hiện Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Quyết định số 2398/QĐ-UBND ngày 21/9/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc tổ chức lại Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Văn phòng UBND tỉnh Sóc Trăng; để đảm bảo quyền phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và thống nhất trong việc niêm yết, công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành Thông báo số 99/TB-VPUBND ngày 16/10/2017 về thay đổi địa chỉ tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính (theo đó Văn phòng UBND tỉnh là cơ quan giúp Chủ tịch UBND tỉnh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức) gửi đến các sở, ban ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã để niêm yết, công khai tại nơi niêm yết TTHC, trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang tin điện tử và tuyên truyền, phổ biến rộng rãi để các cá nhân, tổ chức trên địa bàn biết, thực hiện.

Trong năm 2017, trên địa bàn tỉnh chưa nhận được phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh, đời sống nhân dân theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP của Chính phủ.

## **6. Công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC**

Nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm tổ chức thực hiện cải cách hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực thi công vụ; tăng cường sự hiểu biết của nhân dân về mục tiêu, ý nghĩa, nội dung và tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách TTHC, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 10/3/2017 tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng năm 2017. Trên cơ sở đó, các sở, ban ngành, địa phương trong tỉnh chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về tầm quan trọng, ý nghĩa, mục tiêu và tác động của cải cách hành chính đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của tỉnh Sóc Trăng; kết quả rà soát, đơn giản hóa, chuẩn hóa TTHC tại tỉnh; tình hình triển khai thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức... bằng nhiều hình thức phong phú như: Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử, Chuyên trang cải cách hành chính của tỉnh, Trang thông tin điện tử của các

sở, ngành và UBND cấp huyện, Báo Sóc Trăng điện tử, Trang thông tin điện tử của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như Báo Sóc Trăng, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; Đài Truyền thanh cấp huyện; Trạm truyền thanh cơ sở.

### **7. Tình hình tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính**

Thực hiện Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 07/9/2016 Quy định thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Từ khi triển khai đến nay, việc thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đã được thực hiện tại 18/18 sở, ngành tỉnh; 11/11 huyện, thị xã, thành phố và 109/109 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, đạt tỷ lệ 100%.

- Tại các sở, ngành tỉnh có 1.349/1.349 TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa; trong đó có 88 TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông trong các lĩnh vực như: Đăng ký kinh doanh; quản lý tài sản; ngân sách; đất đai...

- Tại các huyện, thị xã, thành phố có 254/283 TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa; trong đó có một số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông trong các lĩnh vực như: đất đai, tư pháp, người có công...

- Tại các xã, phường, thị trấn có 170/175 TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa; trong đó có thủ tục "Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi" và thủ tục "Đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi" thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông.

Trong thời gian qua, tỉnh Sóc Trăng đã trang bị phần mềm một cửa điện tử cho 17/18 sở, ngành tỉnh, 11/11 huyện, thị xã, thành phố và 80/109 xã, phường, thị trấn; các TTHC đều được cung cấp dịch vụ công trực tuyến tối thiểu mức độ 2, trong đó có 60 TTHC cung cấp mức độ 3 và 66 TTHC cung cấp mức độ 4. Nhìn chung, các sở, ngành, địa phương đã sử dụng phần mềm một cửa điện tử để xem xét, giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức kịp thời, chính xác, đúng quy định; tỷ lệ TTHC được giải quyết đúng hạn ngày càng tăng. Bên cạnh đó, việc triển khai tiếp nhận, giải quyết TTHC trực tuyến mức độ 3 đã thu được nhiều kết quả tích cực, trong năm đã tiếp nhận và giải quyết 1.923 TTHC.

Đội ngũ cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được lựa chọn cơ bản là những người có trình độ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm, đáp ứng được yêu cầu công việc, đồng thời được tập huấn các kỹ năng, nghiệp vụ cần thiết cho thực hiện nhiệm vụ tại bộ phận này. Tính đến nay, các cơ quan, đơn vị địa phương đã bố trí đầy đủ cán bộ, công chức làm việc thực tế tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, trong đó: cấp tỉnh không quá 02 (hai) nhân sự đối với Văn phòng Sở, cấp huyện không quá 05 (năm) nhân sự, cấp xã

không quá 02 (hai) nhân sự và được bố trí kinh phí hỗ trợ từ 250.000 - 300.000 đồng/nhân sự/tháng.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan, đơn vị, địa phương được trang bị đảm bảo theo quy định gồm có: máy vi tính, máy photocopy, máy fax, máy scan, máy in, điện thoại cố định, ghế ngồi, bàn làm việc, máy điều hòa nhiệt độ và các trang thiết bị cần thiết khác.

## **8. Một số nội dung khác**

a) Kiện toàn Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính và thiết lập hệ thống cán bộ đầu mối tại các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã.

Nhằm kịp thời triển khai thực hiện Nghị định số 92/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Thông báo số 407/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ; UBND tỉnh Sóc Trăng đã ban hành Quyết định số 2398/QĐ-UBND ngày 21/9/2017 về việc tổ chức lại Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Văn phòng UBND tỉnh Sóc Trăng, với 02 biên chế được chuyển giao từ Sở Tư pháp sang, gồm: Trưởng phòng và 01 chuyên viên. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 169 cán bộ làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC, trong đó cấp tỉnh 38 công chức; cấp huyện 22 công chức, cấp xã 109 công chức đúng theo quy định tại Công văn số 5957/BTP-KSTT ngày 19/8/2013 của Bộ Tư pháp về việc triển khai thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về công tác kiểm soát TTHC.

b) Công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản triển khai nhiệm vụ kiểm soát TTHC tại địa phương (Quy chế, Quy trình, Kế hoạch...)

Để công tác kiểm soát TTHC tiếp tục hoạt động có chất lượng và hiệu quả, ngay từ đầu năm UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC, Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC và nhiều văn bản chỉ đạo triển khai công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh như tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ tại Chỉ thị số 13/CT-TTg và Quyết định số 08/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện nghiêm túc việc niêm yết, công khai TTHC; chấn chỉnh thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; triển khai thực hiện Nghị định số 92/2017/NĐ-CP của Chính phủ; công bố Danh mục TTHC thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; triển khai thực hiện Thông tư số 02/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ...

### **c) Công tác kiểm tra**

Để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 về việc thành lập Đoàn Kiểm tra công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, do Sở Nội vụ làm Trưởng đoàn và tổ chức kiểm tra tại 07 Sở, 03 huyện (mỗi huyện chọn thêm 02 xã) và Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 thành lập Đoàn kiểm tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp và thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, do Sở Tư pháp làm

Trưởng đoàn, tổ chức kiểm tra tại 05 huyện, 05 xã và tổ chức khảo sát tại một số doanh nghiệp khởi nghiệp điển hình trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp - thương mại, thông tin - truyền thông để thực hiện hỗ trợ pháp lý trực tiếp. Kết thúc đợt kiểm tra, các Đoàn kiểm tra đã báo cáo về UBND tỉnh theo đúng thời gian kế hoạch đã đề ra.

Thông qua công tác kiểm tra tại các đơn vị trên địa bàn tỉnh đã phát hiện những hạn chế, vướng mắc và kịp thời hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị khắc phục nhất là công tác niêm yết công khai TTHC, việc giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp. Kết thúc kiểm tra đều được ghi nhận bằng biên bản làm việc và thông báo kết luận của Đoàn kiểm tra nhằm đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế, đồng thời có kiến nghị, đề xuất đối với các đơn vị được kiểm tra góp phần đẩy mạnh và thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính, kiểm soát TTHC theo quy định.

d) Kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 08/9/2015 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; trong thời gian qua các cơ quan, đơn vị, địa phương đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận và giải quyết TTHC; tổ chức triển khai đồng bộ, thống nhất cơ chế một cửa, một cửa liên thông; đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trong giải quyết TTHC; thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố, công khai, minh bạch TTHC và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Định kỳ, UBND tỉnh đối thoại với doanh nghiệp về TTHC, giải quyết TTHC; vận hành Vườn ươm doanh nghiệp để thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp giúp doanh nghiệp khởi nghiệp thành công; tổ chức cho 36 đồng chí thủ trưởng đơn vị ký cam kết thực hiện cải cách TTHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh; thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính; kiểm tra, đánh giá năng lực làm việc, kỹ năng giao tiếp của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; triển khai thực hiện xác định chỉ số cải cách hành chính tại các sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã góp phần nâng cao chất lượng công tác cải cách TTHC, cải thiện môi trường đầu tư, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp và tổ chức thực hiện thủ tục hành chính tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.

đ) Hoạt động đôn đốc, tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát TTHC:

Thực hiện Công văn số 9494/VPCP-KSTT ngày 07/9/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc tham dự tập huấn nghiệp vụ khai thác, sử dụng Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị và nghiệp vụ hệ thống hóa, rà soát chế độ báo cáo, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố cử công chức tham dự 02 lớp tập huấn nêu trên do Văn phòng Chính phủ tổ chức bằng hình thức trực tuyến tại Văn phòng UBND tỉnh. Đồng thời, chỉ đạo Sở Tư pháp tập huấn nghiệp vụ kiểm soát TTHC cho các cán

bộ làm đầu mỗi thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh; thường xuyên liên hệ, đôn đốc, nhắc nhở cán bộ đầu mối tham mưu cho thủ trưởng cơ quan và phối hợp chặt chẽ với các phòng chuyên môn thực hiện tốt công tác kiểm soát TTHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Ưu điểm**

Hoạt động kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh trong năm 2017 tiếp tục đạt được những kết quả tích cực, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã kịp thời ban hành đồng bộ các kế hoạch, các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện, cùng với sự phân đấu nỗ lực của các cơ quan, đơn vị và đội ngũ cán bộ, công chức, góp phần đưa công tác kiểm soát TTHC đi vào nề nếp. Công tác công bố, cập nhật TTHC được duy trì thường xuyên, gắn với việc niêm yết, công khai TTHC thuộc phạm vi giải quyết. Công tác rà soát, đơn giản hóa TTHC được triển khai thực hiện ở tất cả các sở, ngành, UBND cấp huyện. Hoàn thành việc tổ chức lại Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Văn phòng UBND tỉnh theo quy định. Công tác tiếp nhận và giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định tại Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, góp phần hạn chế sai sót, nâng cao chất lượng giải quyết TTHC, giảm số lượng TTHC giải quyết trễ hạn so với trước đây. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, giải quyết TTHC trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và việc tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích đã góp phần đẩy nhanh tiến độ công việc, nâng cao chất lượng giải quyết TTHC, tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí và thời gian đi lại cho người dân, từng bước hiện đại hóa nền hành chính nhà nước.

### **2. Một số mặt hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác kiểm soát TTHC còn một số khó khăn, hạn chế như:

- Việc thống kê, cập nhật các TTHC đề trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại một số cơ quan, đơn vị còn chậm, chất lượng chưa cao; một số ít đơn vị cấp xã còn niêm yết, công khai TTHC chưa đạt yêu cầu (niêm yết chưa đầy đủ số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, niêm yết TTHC đã hết hiệu lực...); vẫn còn tình trạng quá hạn trong giải quyết hồ sơ TTHC cho cá nhân, tổ chức và lưu trữ những loại giấy tờ không cần thiết trong hồ sơ giải quyết TTHC; việc phân bổ biên chế cho Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính chưa đủ số lượng theo quy định; việc sử dụng Phân hệ quản lý báo cáo trong Hệ thống quản lý và đánh giá về kiểm soát TTHC còn gặp nhiều khó khăn.

- Một số ít TTHC còn tiếp nhận tại phòng chuyên môn, chưa thực hiện theo cơ chế một cửa theo quy định; mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả chưa cao; số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 còn thấp so với yêu cầu của Chính phủ; hệ thống một cửa điện tử chưa hoàn thiện, chưa có sự kết nối giữa các cơ quan, đơn vị.

\* Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên là do:

Việc ban hành Quyết định công bố TTHC của một số bộ, ngành còn chậm nên ảnh hưởng đến thời gian công bố TTHC của địa phương; công tác tuyên truyền về hoạt động kiểm soát TTHC tại một số đơn vị chưa được quan tâm đúng mức nên chưa huy động sự tham gia của người dân, doanh nghiệp vào các quá trình kiểm soát TTHC như mong muốn; đội ngũ công chức làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, thường xuyên thay đổi, khối lượng công việc tương đối lớn nên việc triển khai thực hiện công tác này tại một số cơ quan, đơn vị chưa kịp thời, chưa đầy đủ; việc chuyển giao nhiệm vụ kiểm soát TTHC ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý của đội ngũ công chức làm công tác này, nhiều công chức không an tâm đã xin chuyển sang làm công tác khác, trong khi công tác kiểm soát TTHC có tính kế thừa và liên tục, do đó ảnh hưởng đến chất lượng tham mưu cho UBND tỉnh trong chỉ đạo, điều hành công tác này tại các địa phương.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ**

Để góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách TTHC, kiểm soát TTHC, tăng cường ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức trong tiếp nhận, giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức; trong năm 2018, UBND tỉnh tập trung triển khai và chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các Kế hoạch về kiểm soát TTHC năm 2018 đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo tiến độ và đạt chất lượng, hiệu quả.

2. Thực hiện nghiêm túc các chủ trương, định hướng lớn về cải cách TTHC đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đề ra trong các nghị quyết, quyết định; lựa chọn những TTHC không cần thiết, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp để rà soát, đề xuất đơn giản hóa và cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.

3. Tập trung thực hiện tốt việc đánh giá tác động, tham gia ý kiến đối với quy định về TTHC trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; tăng cường công khai, minh bạch các TTHC, trong đó chú trọng việc công bố, công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, trang tin điện tử, niêm yết TTHC tại trụ sở cơ quan, đơn vị nơi trực tiếp giải quyết TTHC.

4. Tổ chức tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; vận hành, khai thác hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện kiểm soát TTHC, nhất là việc niêm yết, công khai TTHC và tình hình, kết quả giải quyết TTHC để kịp thời phát hiện những hạn chế, thiếu sót, đề ra các biện pháp khắc phục và xử lý nghiêm những hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực trong giải quyết TTHC.

5. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tiếp tục triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; thực hiện việc tiếp



nhận và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích, nhằm rút ngắn thời gian, nâng cao chất lượng giải quyết TTHC, tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí và thời gian đi lại cho người dân.

6. Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông về cải cách TTHC, kiểm soát TTHC, huy động sự tham gia tích cực của các cá nhân, tổ chức vào các hoạt động này. Trong đó chú trọng kiện toàn đội ngũ cán bộ làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC phù hợp với quy định tại Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ; nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC và thực hiện chế độ thông tin báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

#### **IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT**

Đề giúp địa phương tiếp tục duy trì, phát huy những kết quả đạt được, UBND tỉnh Sóc Trăng đề nghị:

Văn phòng Chính phủ tiếp tục đôn đốc các bộ, ngành kịp thời ban hành Quyết định công bố TTHC theo quy định; đồng thời nhập dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, làm cơ sở để địa phương ban hành quyết định công bố và công khai theo quy định.

Đề nghị Cục Kiểm soát thủ tục hành chính khắc phục các lỗi về kỹ thuật trên Hệ thống quản lý và đánh giá về kiểm soát TTHC tại Phân hệ quản lý báo cáo, bảo đảm vận hành ổn định; tiếp tục quan tâm phối hợp và tạo mối quan hệ chặt chẽ với các địa phương để hỗ trợ, giúp đỡ về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

Trên đây là tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC, cải cách TTHC, cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2017 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, báo cáo Văn phòng Chính phủ theo quy định./.

**Nơi nhận:** *lf*

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành tỉnh;
- BQL các Khu công nghiệp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: HC, VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Thành Trí**





Biểu số 04b/BTP/KSTT/KTTH

Ban hành theo Thông tư số 05/2014/TT-BTP  
ngày 07/02/2014.

Ngày nhận báo cáo (BC):

**SỐ TTHC, VBQPPL ĐƯỢC CÔNG BỐ,  
CÔNG KHAI TẠI TỈNH SÓC TRĂNG NĂM 2017**

Kỳ báo cáo: năm 2017

(Kèm theo Báo cáo số 247/BC-UBND ngày 30/11/2017  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị báo cáo: UBND tỉnh Sóc Trăng.

Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát  
TTHC).

Đơn vị tính: TTHC, văn bản

STT	Đơn vị thực hiện	Số lượng quyết định công bố đã ban hành	Số VBQPPL, TTHC được công bố					Số lượng văn bản đề nghị mở công khai/ không công khai	Số VBQPPL, TTHC đề nghị công khai/không công khai			
			Số VBQPPL	Số TTHC			VBQPPL		TTHC			
				Tổng số	Chia ra				Ban hành mới hoặc sửa đổi bổ sung (Công khai)	Hủy bỏ hoặc bãi bỏ (Không công khai)		
					Số TTHC quy định mới	Số TTHC được sửa đổi, bổ sung	Số TTHC hủy bỏ, bãi bỏ				Quy định mới; được sửa đổi bổ sung (Công khai)	Hủy bỏ hoặc bãi bỏ (Không công khai)
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
	<b>Tổng số</b>	<b>71</b>	<b>0</b>	<b>1.051</b>	<b>277</b>	<b>278</b>	<b>496</b>	<b>33</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>555</b>	<b>496</b>
1	Sở Giao thông vận tải	02	0	22	0	07	15	01	0	0	07	15
2	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	04	0	70	12	26	32	03	0	0	38	32
3	Sở Công Thương	10	0	196	13	90	93	05	0	0	103	93
4	Sở Xây dựng	03	0	29	28	0	01	01	0	0	28	01
5	Sở Khoa học và Công nghệ	04	0	35	20	0	15	02	0	0	20	15
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	04	0	38	18	02	18	01	0	0	20	18
7	Sở Tư pháp	15	0	320	60	109	151	06	0	0	169	151
8	Sở Y tế	10	0	105	42	17	46	04	0	0	59	46

9	Sở Kế hoạch và Đầu tư	02	0	18	07	0	11	02	0	0	07	11
10	Sở Thông tin và Truyền thông	01	0	06	02	04	0	01	0	0	06	0
11	Sở Nội vụ	03	0	22	0	11	11	01	0	0	11	11
12	Thanh tra	05	0	38	21	08	09	03	0	0	29	09
13	Ban Quản lý các khu công nghiệp	02	0	98	29	04	65	01	0	0	33	65
14	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	05	0	49	23	0	26	02	0	0	23	26
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	01	0	05	02	0	03	0	0	0	02	03

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thanh Trì



Biên số 05b/BTP/KSTT/KTTH

Ban hành theo Thông tư số 05/2014/TT-

BTP ngày 07/02/2014.

Ngày nhận báo cáo (BC):

**KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC  
HÀNH CHÍNH TẠI TỈNH SÓC TRĂNG NĂM 2017**

Kỳ báo cáo: năm 2017

(Kèm theo Báo cáo số 247/BC-UBND ngày 30/11/2017  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị báo cáo: UBND tỉnh Sóc Trăng

Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát

TTHC)

Đơn vị tính: TTHC/nhóm TTHC, văn bản

Số TT	Tên TTHC hoặc tên nhóm TTHC trong Kế hoạch rà soát	Phương án rà soát thuộc thẩm quyền					Phương án rà soát đề xuất, kiến nghị					Đạt tỉ lệ đơn giản hóa
		Số lượng VB	Số TTHC			Số lượng VB	Số TTHC					
			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra				
				Số TTHC sửa đổi	Số TTHC quy định mới			Số TTHC cắt giảm	Số TTHC sửa đổi	Số TTHC quy định mới	Số TTHC cắt giảm	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
	<b>Tổng số</b>					<b>17</b>	<b>23</b>	<b>23</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>28,02%</b>	
	<b>Thực hiện theo Kế hoạch rà soát của UBND tỉnh</b>											
<b>I</b>	<b>Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>					<b>01</b>	<b>01</b>	<b>01</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>37,50%</b>	
1	Báo cáo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)					01	01	01	0	0	37,50%	
<b>II</b>	<b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>					<b>02</b>	<b>02</b>	<b>02</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22,86%</b>	
1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản					02	01	01	0	0	22,86%	
2	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)					02	01	01	0	0	22,86%	



III	Số Nội vụ		01	08	08	0	0	45,83%
1	Tăng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	01	01	01	01	0	0	45,83%
2	Tăng danh hiệu tập thể lao động tiên tiến ( <i>áp dụng tại cấp huyện</i> )	01	01	01	01	0	0	45,83%
3	Tăng Danh hiệu thôn, ấp, bản, làng, khu phố văn hóa	01	01	01	01	0	0	45,83%
4	Tăng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở ( <i>áp dụng tại cấp huyện</i> )	01	01	01	01	0	0	45,83%
5	Tăng danh hiệu lao động tiên tiến ( <i>áp dụng tại cấp huyện</i> )	01	01	01	01	0	0	45,83%
6	Tăng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	01	01	01	01	0	0	45,83%
7	Tăng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất	01	01	01	01	0	0	45,83%
8	Tăng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại	01	01	01	01	0	0	45,83%
IV	Số Tài chính		03	03	03	0	0	26,18%
1	Tham định quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm của tỉnh	01	01	01	01	0	0	42,86%
2	Quyết toán dự án hoàn thành các dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi của Ủy ban nhân dân tỉnh	01	01	01	01	0	0	6,05%
3	Cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	01	01	01	01	0	0	29,63%
V	Số Xây dựng		02	01	01	0	0	0%
1	Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp tỉnh quản lý	02	01	01	02	0	0	0%
VI	Số Tư pháp		03	04	04	0	0	30,73%

1	Cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý					01	01	01	0	0	58,75%
2	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài ( <i>áp dụng tại cấp huyện</i> )					01	01	01	0	0	15,11%
3	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân ( <i>áp dụng tại cấp xã</i> )					01	01	01	0	0	34,14%
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con ( <i>áp dụng tại cấp xã</i> )					01	01	01	0	0	14,93%
<b>VII</b>	<b>Sở Công thương</b>					<b>04</b>	<b>03</b>	<b>03</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>30,09%</b>
1	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng LPG chai					02	01	01	0	0	33,30%
2	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu ( <i>áp dụng tại cấp huyện</i> )					01	01	01	0	0	28,48%
3	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá ( <i>áp dụng tại cấp huyện</i> )					01	01	01	0	0	28,50%
<b>VII</b>	<b>Sở Thông tin và Truyền thông</b>					<b>01</b>	<b>01</b>	<b>01</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>32,48%</b>
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng ( <i>áp dụng tại cấp huyện</i> )					01	01	01	0	0	32,48%

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thành Trí







**Biểu số 07a/BTP/KSTT/KTTH**  
 Ban hành theo Thông tư số 05/2014/TT-  
 BTP ngày 07/02/2014.  
 Ngày nhận báo cáo (BC):

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH  
 CHÍNH TẠI TỈNH SÓC TRĂNG**

Kỳ báo cáo: năm 2017

(Kèm theo Báo cáo số 247/BC-UBND ngày 30/11/2017 của  
 Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

**Đơn vị báo cáo:** UBND tỉnh Sóc Trăng.  
**Đơn vị nhận báo cáo:**  
 Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC)

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
<b>A</b>	<b>TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh</b>	<b>72.543</b>	<b>9.762</b>	<b>62.781</b>	<b>71.212</b>	<b>71.198</b>	<b>14</b>	<b>1.331</b>	<b>1.328</b>	<b>03</b>	
<b>I</b>	<b>TTHC do Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	<b>8.376</b>	<b>8.182</b>	<b>194</b>	<b>8.376</b>	<b>8.376</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo	124	16	108	124	124	0	0	0	0	
2	Lĩnh vực Quy chế thi, tuyển sinh	8.077	8.077	0	8.077	8.077	0	0	0	0	
3	Lĩnh vực Hệ thống văn bằng chứng chỉ	175	89	86	175	175	0	0	0	0	
<b>II</b>	<b>TTHC do Sở Giao thông Vận tải tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	<b>31.639</b>	<b>1.030</b>	<b>30.609</b>	<b>31.041</b>	<b>31.041</b>	<b>0</b>	<b>598</b>	<b>598</b>	<b>0</b>	
1.	Lĩnh vực Đường bộ	31.453	1.030	30.423	30.855	30.855	0	598	598	0	
2	Lĩnh vực Đường thủy nội địa	186	0	186	186	186	0	0	0	0	
<b>III</b>	<b>TTHC do Sở Y tế tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	<b>1.308</b>	<b>301</b>	<b>1.007</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>0</b>	<b>308</b>	<b>308</b>	<b>0</b>	
1	Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh	954	261	693	684	684	0	270	270	0	

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2	Lĩnh vực Dược phẩm	353	40	313	315	315	0	38	38	0	
3	Lĩnh vực Y tế dự phòng	01	0	01	01	01	0	0	0	0	
<b>IV</b>	<b>TTHC do Sở Lao động TBXH tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	<b>781</b>	<b>0</b>	<b>781</b>	<b>781</b>	<b>781</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Lĩnh vực Người có công	728	0	728	728	728	0	0	0	0	
2	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	10	0	10	10	10	0	0	0	0	
3	Lĩnh vực Lao động – tiền lương	33	0	33	33	33	0	0	0	0	
4	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	03	0	03	03	03	0	0	0	0	
5	Lĩnh vực Việc làm	07	0	07	07	07	0	0	0	0	
<b>V</b>	<b>TTHC do Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	<b>2.563</b>	<b>0</b>	<b>2.563</b>	<b>2.550</b>	<b>2.550</b>	<b>0</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	<b>0</b>	
1	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	2.388	0	2.388	2.378	2.378	0	10	10	0	
2	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã)	13	0	13	13	13	0	0	0	0	
3	Lĩnh vực Đấu thầu	88	0	88	86	86	0	02	02	0	
4	Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam	74	0	74	73	73	0	01	01	0	
<b>VI</b>	<b>TTHC do Sở Thông tin và Truyền thông tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	<b>94</b>	<b>0</b>	<b>94</b>	<b>94</b>	<b>94</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	02	0	02	02	02	0	0	0	0	

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2	Lĩnh vực Xuất bản	90	0	90	90	90	0	0	0	0	
3	Lĩnh vực Bưu chính	02	0	02	02	02	0	0	0	0	
<b>VII</b>	<b>TTHC do Sở Tài chính tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	<b>313</b>	<b>24</b>	<b>289</b>	<b>287</b>	<b>287</b>	<b>0</b>	<b>26</b>	<b>26</b>	<b>0</b>	
1	Lĩnh vực Quản lý quỹ ngân sách, quỹ dự trữ nhà nước và các quỹ tài chính khác tại Kho bạc Nhà nước	100	08	92	94	94	0	06	06	0	
2	Lĩnh vực Giá	171	13	158	154	154	0	17	17	0	
3	Lĩnh vực Tài chính	04	03	01	01	01	0	03	03	0	
4	Lĩnh vực khác	38	0	38	38	38	0	0	0	0	
<b>VIII</b>	<b>TTHC do Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	<b>386</b>	<b>38</b>	<b>348</b>	<b>351</b>	<b>349</b>	<b>02</b>	<b>35</b>	<b>35</b>	<b>0</b>	
1	Lĩnh vực Môi trường	55	03	52	48	47	01	07	07	0	
2	Lĩnh vực Đất đai	224	34	190	202	202	0	22	22	0	
3	Lĩnh vực Tài nguyên nước	107	01	106	101	100	01	06	06	0	
<b>IX</b>	<b>TTHC do Sở Tư pháp tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	<b>4.174</b>	<b>87</b>	<b>4.087</b>	<b>4.034</b>	<b>4.034</b>	<b>0</b>	<b>140</b>	<b>140</b>	<b>0</b>	
1	Lĩnh vực Lý lịch tư pháp	3.000	87	2.913	2.860	2.860	0	140	140	0	
2	Lĩnh vực Luật sư	08	0	08	08	08	0	0	0	0	
3	Lĩnh vực Công chứng	04	0	04	04	04	0	0	0	0	

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
4	Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý	141	0	141	141	141	0	0	0	0	
5	Lĩnh vực Tư vấn pháp luật	1.021	0	1.021	1.021	1.021	0	0	0	0	
<b>X</b>	<b>TTHC do Thanh tra tỉnh tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	<b>143</b>	<b>0</b>	<b>143</b>	<b>143</b>	<b>143</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Lĩnh vực Giải quyết Khiếu nại	40	0	40	40	40	0	0	0	0	
2	Lĩnh vực Giải quyết Tố cáo	03	0	03	03	03	0	0	0	0	
3	Lĩnh vực Tiếp công dân	42	0	42	42	42	0	0	0	0	
4	Lĩnh vực Xử lý đơn thư	58	0	58	58	58	0	0	0	0	
<b>XI</b>	<b>TTHC do Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	<b>18.754</b>	<b>05</b>	<b>18.749</b>	<b>18.739</b>	<b>18.739</b>	<b>0</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	
1	Lĩnh vực Nông nghiệp	17.451	05	17.446	17.436	17.436	0	15	15	0	
2	Lĩnh vực Thủy sản	1.015	0	1.015	1.015	1.015	0	0	0	0	
3	Lĩnh vực Lâm nghiệp	288	0	288	288	288	0	0	0	0	
<b>XII</b>	<b>TTHC do Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	<b>2.415</b>	<b>43</b>	<b>2.372</b>	<b>2.375</b>	<b>2.374</b>	<b>01</b>	<b>40</b>	<b>40</b>	<b>0</b>	
1	Lĩnh vực An toàn thực phẩm	378	28	350	359	359	0	19	19	0	
2	Lĩnh vực Dầu khí	107	05	102	98	98	0	09	09	0	
3	Lĩnh vực Điện	04	01	03	04	04	0	0	0	0	
4	Lĩnh vực Hóa chất	08	01	07	06	06	0	02	02	0	
5	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	88	0	88	88	88	0	0	0	0	

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
6	Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh	45	06	39	41	41	0	04	04	0	
7	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại	1.785	02	1.783	1.779	1.778	01	06	06	0	
<b>XIII</b>	<b>TTHC do Sở Nội vụ tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	<b>493</b>	<b>27</b>	<b>466</b>	<b>487</b>	<b>487</b>	<b>0</b>	<b>06</b>	<b>06</b>	<b>0</b>	
1	Lĩnh vực Tổ chức, biên chế	26	01	25	25	25	0	01	0	0	
1	Lĩnh vực Thi đua khen thưởng	321	20	301	320	320	0	01	01	0	
2	Lĩnh vực Tôn giáo	128	06	122	125	125	0	03	03	0	
3	Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ	18	0	18	17	17	0	01	01	0	
<b>XIV</b>	<b>TTHC do Sở Xây dựng tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	<b>598</b>	<b>15</b>	<b>583</b>	<b>453</b>	<b>453</b>	<b>0</b>	<b>145</b>	<b>145</b>	<b>0</b>	
1	Lĩnh vực Xây dựng	561	15	546	426	426	0	135	135	0	
2	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	37	0	37	27	27	0	10	10	0	
<b>XV</b>	<b>TTHC do Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	<b>458</b>	<b>10</b>	<b>448</b>	<b>453</b>	<b>442</b>	<b>11</b>	<b>05</b>	<b>02</b>	<b>03</b>	
1	Lĩnh vực Du lịch	12	0	12	11	11	0	01	01	0	
2	Lĩnh vực Văn hoá	446	10	436	442	431	11	04	01	03	
<b>XVI</b>	<b>TTHC do Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	<b>31</b>	<b>0</b>	<b>31</b>	<b>31</b>	<b>31</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Lĩnh vực Khoa học và công nghệ	16	0	16	16	16	0	0	0	0	

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Số hồ sơ đã giải quyết			Kết quả giải quyết			
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết		Số hồ sơ đang giải quyết		Quả hạn		
			Số kỳ trước chuyên qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số		Chưa đến hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	Lĩnh vực Xây dựng	07	0	07	0	07	0	0	0	0	0
	Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam	04	0	04	0	04	0	0	0	0	0
	Lĩnh vực Việc làm	01	0	01	0	01	0	0	0	0	0
	Lĩnh vực Lao động, tiền lương	05	0	05	0	05	0	0	0	0	0
B	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	82.852	473	82.379	80.890	80.407	483	1.962	1.948	14	
1	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	37	0	37	37	36	01	0	0	0	0
2	Lĩnh vực Hệ thông văn bản, chứng chỉ	831	0	831	831	831	0	0	0	0	0
3	Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo	2.506	0	2.506	2.506	2.506	0	0	0	0	0
4	Lĩnh vực Đường thủy nội địa	35	0	35	35	35	0	0	0	0	0
5	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	1.400	0	1.400	1.393	1.388	-05	07	07	0	0
6	Lĩnh vực Đăng ký kinh doanh	2.047	0	2.047	2.047	2.047	0	0	0	0	0

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
7.	Lĩnh vực Lao động - tiền lương	332	0	332	332	332	0	0	0	0	
8	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	3.745	0	3.745	3.613	3.613	0	132	132	0	
9	Lĩnh vực Người có công	2.103	01	2.102	2.065	2.065	0	38	38	0	
10	Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng	1.405	0	1.405	1.405	1.405	0	0	0	0	
11	Lĩnh vực Tôn giáo	28	0	28	28	28	0	0	0	0	
12	Lĩnh vực Kế toán, kiểm toán	936	0	936	936	936	0	0	0	0	
13	Lĩnh vực Quản lý tài sản nhà nước	107	0	107	107	107	0	0	0	0	
14	Lĩnh vực Tài nguyên nước	56	0	56	56	56	0	0	0	0	
15	Lĩnh vực Môi trường	476	03	473	474	472	02	02	02	0	
16	Lĩnh vực Đất đai	37.820	469	37.351	36.079	35.703	376	1.741	1.731	10	
17	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	18	0	18	18	18	0	0	0	0	
18	Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại	47	0	47	47	47	0	0	0	0	
19	Lĩnh vực Chứng thực	12.481	0	12.481	12.481	12.481	0	0	0	0	
20	Lĩnh vực Đăng ký giao dịch bảo đảm	11.266	0	11.266	11.265	11.243	22	01	01	0	
21	Lĩnh vực Hộ tịch	3.296	0	3.296	3.278	3.257	21	18	14	04	
22	Lĩnh vực Karaoke, Vũ trường	14	0	14	14	14	0	0	0	0	
23	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở	137	0	137	137	137	0	0	0	0	
24	Lĩnh vực Xây dựng	1.460	0	1.460	1.437	1.382	55	23	23	0	
25	Lĩnh vực Tiếp công dân	191	0	191	191	191	0	0	0	0	



STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
26	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hợp tác xã	09	0	09	09	08	01	0	0	0	
27	Lĩnh vực Giá	04	0	04	04	04	0	0	0	0	
28	Lĩnh vực Xử lý đơn thư	04	0	04	04	04	0	0	0	0	
29	Lĩnh vực Phòng chống tham nhũng	58	0	58	58	58	0	0	0	0	
30	Lĩnh vực Nông nghiệp	03	0	03	03	03	0	0	0	0	
<b>C</b>	<b>TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã</b>	<b>722.188</b>	<b>0</b>	<b>722.188</b>	<b>722.171</b>	<b>722.145</b>	<b>26</b>	<b>17</b>	<b>17</b>	<b>0</b>	
1	Lĩnh vực Công Thương	53	0	53	53	53	0	0	0	0	
2	Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo	902	0	902	902	902	0	0	0	0	
3	Lĩnh vực Đầu thầu	01	0	01	01	01	0	0	0	0	
4	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	6.050	0	6.050	6.050	6.050	0	0	0	0	
5	Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em	632	0	632	632	632	0	0	0	0	
6	Lĩnh vực Người có công	666	0	666	666	666	0	0	0	0	
7	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	4.348	0	4.348	4.348	4.348	0	0	0	0	
8	Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội	11	0	11	11	11	0	0	0	0	
9	Lĩnh vực Tôn giáo	38	0	38	38	38	0	0	0	0	
10	Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng	52	0	52	52	52	0	0	0	0	



STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
11	Lĩnh vực Nông nghiệp	811	0	811	811	811	0	0	0	0	
12	Lĩnh vực Môi trường	140	0	140	140	140	0	0	0	0	
13	Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại	20	0	20	20	20	0	0	0	0	
14	Lĩnh vực Hộ tịch	67.754	0	67.754	67.739	67.713	26	15	15	0	
15	Lĩnh vực Chứng thực	638.500	0	638.500	638.500	638.500	0	0	0	0	
16	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở	1.039	0	1.039	1.039	1.039	0	0	0	0	
17	Lĩnh vực Xây dựng	258	0	258	258	258	0	0	0	0	
18	Lĩnh vực Hoà giải ở cơ sở	144	0	144	142	142	0	02	02	0	
19	Lĩnh vực Lao động – Thương binh và Xã hội	769	0	769	769	769	0	0	0	0	
	<b>Tổng số</b>	<b>877.583</b>	<b>10.235</b>	<b>867.348</b>	<b>874.273</b>	<b>873.750</b>	<b>523</b>	<b>3.310</b>	<b>3.293</b>	<b>17</b>	



**Lê Thành Trí**





**Biểu số 07g/BTP/KSTT/KTTH**  
 Ban hành theo Thông tư số  
 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014.  
 Ngày nhận báo cáo (BC):

**NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN ĐỐI VỚI  
 CÁC TRƯỜNG HỢP TỒN ĐỘNG TRONG  
 GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Kỳ báo cáo: năm 2017

(Kèm theo Báo cáo số 247/BC-UBND ngày 30/11/2017 của  
 Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

**Đơn vị báo cáo:** UBND tỉnh Sóc Trăng  
**Đơn vị nhận báo cáo:**  
 Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC)

**I. TỔNG HỢP NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN**

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết	Số lượng hồ sơ	Nguyên nhân quá hạn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Lĩnh vực Bảo vệ môi trường	03	a4x1, b2x1, dx1	
2	Lĩnh vực Tài nguyên nước	01	a4x1	
3	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại	01	b2x1	
4	Lĩnh vực Văn hóa	11	b2x2, dx9	
5	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa	01	b2x1	
6	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	05	b1x5	
7	Lĩnh vực Đất đai	376	a4x200, b1x70, dx106	
8	Lĩnh vực Đăng ký giao dịch bảo đảm	22	b1x15, b2x7	
9	Lĩnh vực Hộ tịch	47	a4x26, b1x4, dx17	
10	Lĩnh vực Xây dựng	55	dx55	
11	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hợp tác xã	01	b1x1	
	<b>Tổng số:</b>	<b>523</b>		

**II. CÁC TRƯỜNG HỢP QUÁ HẠN DO QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH**

1) a4x228:

STT	Tên TTHC	Nội dung vướng mắc	Văn bản QPPL
(1)	(2)	(3)	(4)
<i>I</i>	<i>Lĩnh vực Bảo vệ môi trường</i>		
	“Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường”.	Do cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa chặt chẽ. (01 hồ sơ)	
<i>II</i>	<i>Lĩnh vực Tài nguyên nước</i>		
	“Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản”	Do cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa chặt chẽ. (01 hồ sơ)	
<i>III</i>	<i>Lĩnh vực Đất đai</i>		
	“Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu”	Do cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa chặt chẽ. (200 hồ sơ)	
<i>IV</i>	<i>Lĩnh vực Hộ tịch</i>		
	“Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi”	Do cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa chặt chẽ. (26 hồ sơ)	

### III. CÁC TRƯỜNG HỢP QUÁ HẠN DO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

#### 1) b1x 95:

STT	Tên TTHC	Nội dung vướng mắc	Văn bản QPPL
(1)	(2)	(3)	(4)
<i>I</i>	<i>Lĩnh vực Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)</i>		
	“Đăng ký thành lập hộ kinh doanh”. “Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh”.	Hồ sơ xử lý không kịp do thiếu biên chế. (05 hồ sơ)	
<i>II</i>	<i>Lĩnh vực Đất đai</i>		
	“Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đồng thời là người sử dụng đất”. “Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp”.	Hồ sơ xử lý không kịp do thiếu biên chế. (70 hồ sơ)	

STT	Tên TTHC	Nội dung vướng mắc	Văn bản QPPL
(1)	(2)	(3)	(4)
III	<i>Lĩnh vực Đăng ký giao dịch bảo đảm</i>		
	“Đăng ký xóa đăng ký thế chấp”	Hồ sơ xử lý không kịp do thiếu biên chế. (15 hồ sơ)	
IV	<i>Lĩnh vực Hộ tịch</i>		
	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	Hồ sơ xử lý không kịp do thiếu biên chế. (04 hồ sơ)	
V	<i>Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hợp tác xã</i>		
	“Đăng ký hợp tác xã”	Hồ sơ xử lý không kịp do thiếu biên chế. (01 hồ sơ)	

**2)b2x12:**

STT	Tên TTHC	Nội dung vướng mắc	Văn bản QPPL
(1)	(2)	(3)	(4)
I	<i>Lĩnh vực Môi trường</i>		
	“Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường”.	Do trình độ, năng lực của cán bộ trực tiếp giải quyết còn hạn chế. (01 hồ sơ)	
II	<i>Lĩnh vực Xúc tiến thương mại</i>		
	“Thông báo thực hiện khuyến mại”	Do cán bộ phòng chuyên môn thẩm định hồ sơ chậm trễ. (01 hồ sơ)	
III	<i>Lĩnh vực Văn hóa</i>		
	Cấp giấy phép kinh doanh karaoke	Do cán bộ chỉnh sửa biên bản khảo sát chậm trễ (01 hồ sơ)	
	Tiếp nhận thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng rôn	Do cán bộ phòng chuyên môn thẩm định hồ sơ chậm trễ. (01 hồ sơ)	
IV	<i>Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa</i>		
	“Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá”	Do trình độ, năng lực của cán bộ trực tiếp giải quyết còn hạn chế. (01 hồ sơ)	
VI	<i>Lĩnh vực Đăng ký giao dịch bảo đảm</i>		



STT	Tên TTHC	Nội dung vướng mắc	Văn bản QPPL
(1)	(2)	(3)	(4)
	“Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai”.	Do trình độ, năng lực của cán bộ trực tiếp giải quyết còn hạn chế (07 hồ sơ)	

## V. CÁC TRƯỜNG HỢP QUÁ HẠN DO NGUYÊN NHÂN KHÁC

### 1) dx188:

STT	Tên TTHC	Nội dung vướng mắc	Văn bản QPPL
(1)	(2)	(3)	(4)
<i>I</i>	<i>Lĩnh vực Bảo vệ môi trường</i>		
	“Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường”.	Do người dân điều chỉnh, bổ sung hồ sơ trễ hạn so với quy định (01 hồ sơ)	
<i>III</i>	<i>Lĩnh vực Văn hóa</i>		
	Tiếp nhận thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng rôn	Do tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung hồ sơ trễ hạn so với quy định hoặc chưa bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của đơn vị. (08 hồ sơ)	
	Thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	Do tổ chức chưa bổ sung hồ sơ theo yêu cầu. (01 hồ sơ)	
<i>IV</i>	<i>Lĩnh vực Đất đai</i>		
	“Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu”. “Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng”. “Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với	Do tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung hồ sơ trễ hạn so với quy định hoặc chưa bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của đơn vị. (106 hồ sơ)	

	đất”. “Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu”. “Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đồng thời là người sử dụng đất”.		
V	<i>Lĩnh vực Hộ tịch</i>		
	“Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài”. “Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc”.	Do người dân điều chỉnh, bổ sung hồ sơ trễ hạn so với quy định và một số hồ sơ chưa bổ sung đầy đủ theo yêu cầu của đơn vị. (17 hồ sơ)	
VI	<i>Lĩnh vực Xây dựng</i>		
	Cấp giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ ở đô thị (thuộc phạm vi thẩm quyền UBND cấp huyện)	Do người dân điều chỉnh, bổ sung hồ sơ trễ hạn so với quy định và một số hồ sơ chưa bổ sung đầy đủ theo yêu cầu của đơn vị. (55 hồ sơ)	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thành Trí